



THE REPUBLIC OF THE BULGARIA  
CHECKLIST FOR SHORT STAY VISA APPLICATION  
PRIVATE VISA

DANH MỤC KIỂM TRA ĐỐI VỚI HỒ SƠ XIN THỊ THỰC NGẮN HẠN  
THẨM THÂN

Name and surname ( <i>Họ và tên</i> ):	Passport No. ( <i>Số hộ chiếu</i> ):
E-mail address ( <i>Thư điện tử</i> ):	Telephone number ( <i>Số điện thoại</i> ):

	Visa application requirements <i>Yêu cầu đối với hồ sơ xin thị thực</i>	Original <i>Bản gốc</i>	Copy <i>Bản sao</i>	Remark <i>Ghi chú</i>
1	<b>Visa application form, completely filled out, dated and signed</b> <i>Bản khai xin cấp thị thực đã được điền đầy đủ thông tin, ghi rõ ngày tháng và ký tên</i>			
2	<b>Original invitation letter (not older than 3 months) be signed by the legal person issuing the invitation, stamped by a notary and verified by the local authorities for administrative control of foreigners (Migration Directorate of the MoI)</b> - If the inviter provides the accommodation and bears the cost of living of applicant for the whole duration of stay, this information will need to be mentioned clearly in the original invitation letter stamped by a notary and verified by the local authorities for administrative control of foreigners (Migration Directorate of the MoI). <b>If inviter is individual, the followings are required:</b> - Details of inviter - copy of passport and ID card of inviter. <i>Thư mời bản gốc đến Cộng Hòa Bungari bản gốc (không quá 3 tháng) ký bởi người mời hợp pháp, đóng dấu của công chứng viên và được xác minh bởi Chính quyền Địa Phương (Cục di trú MoI)</i> - Nếu người mời cung cấp chỗ ở và chi trả toàn bộ chi phí sinh hoạt cho người xin thị thực trong suốt quá trình lưu trú, thông tin này sẽ cần được đề cập rõ trên thư mời được đóng dấu của công chứng viên và được xác minh bởi Chính quyền Địa Phương (Cục di trú MoI). <i>Nếu người mời là cá nhân mời, hồ sơ sẽ được yêu cầu nộp như sau:</i> - Chi tiết của người mời – bản sao hộ chiếu và chứng minh thư của người mời.			
3	<b>Proof of accommodation: for the whole duration of the intended stay</b> <i>Thông tin chỗ ở trong suốt quá trình lưu trú</i>			
4	<b>Round air-ticket reservation</b> <i>Xác nhận đặt vé máy bay khứ hồi</i>			
5	<b>Proof of Travel Plans</b> <ul style="list-style-type: none"><li>• Copy of the travel itinerary</li></ul> <i>Lịch trình chi tiết của chuyến đi</i>			

6	<p>Travel medical insurance (valid throughout the territory of the Member States and covering the entire period of stay applied for. The insurance shall cover outpatient, hospital and repatriation expenses due to illness or death, with an amount of not less than €30,000).</p> <p><i>Bảo hiểm y tế du lịch (có hiệu lực trong phạm vi các nước thành viên và trong thời gian lưu trú dự kiến. Bảo hiểm cần bao gồm chi phí ngoại trú, nằm viện, phí hồi hương do bệnh tật hoặc tử vong, tổng chi phí lớn hơn hoặc bằng €30,000)</i></p>			
7	<p>A passport valid at least 3 months after intended return to Philippines, has got at least 2 free pages, has been issued within the last 10 years.</p> <p><i>Hộ chiếu còn hạn ít nhất 3 tháng tính từ ngày dự kiến trở về Việt Nam, còn ít nhất 2 trang trống, phải được cấp trong vòng 10 năm trở lại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• A color photocopy of the passport and bio data page;</li> <li>• A color photocopy of the last Bulgarian and Schengen visas or visas for the UK and the US, if any</li> </ul> <p><i>Bản sao màu của hộ chiếu bao gồm trang thông tin có ảnh</i></p> <p><i>Bản sao màu thị thực Bungari và Schengen hoặc thị thực UK, US gần nhất nếu có</i></p>			
8	<p>2 recent (taken within the last 6 months) passport-size photo (3,5cm x 4,5cm) with a white background.</p> <p><i>Hai ảnh chân dung hộ chiếu (chụp trong vòng 6 tháng) nền trắng (cỡ 4,5x3,5 cm)</i></p>			
9	<p>Proof of ties to the Philippines</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Proof of Social Security contributions, (if applicable)</li> <li>• Copy of a document proving ownership of real estate - notarial deed, (if applicable)</li> <li>• Proof of family ties in the Philippines, if person is travelling with a spouse and/ or children – Birth Certificate of Children or Marriage Certificate, issued by the Philippine National Statistical Services</li> <li>• For Applicants who are not citizens in the Philippines: <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Copy of the Alien’s Certificate Registration valid for at least 3 months after the planned date of departure from the territory of the Member States.</li> </ul> </li> </ul>			
10	<p>Proof of solvency of the applicant/ Chứng minh tài chính của đương đơn: Bank Certificates, Checkbooks, Personal Bank account proving regular income, Credit Card statements or information on the credit card balance for the last 6 months.</p> <p><i>Sao kê tài khoản ngân hàng 3 tháng gần nhất, không chấp nhận tài khoản tiền gửi</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Proof of Financial Support, with photocopy of the personalized page of the passport of the person providing financial support</li> </ul>			
11	<p>For Employees/ Đối với người lao động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• A sealed copy of the business licence of the employing company/ Bản sao có đóng dấu giấy phép công ty</li> <li>• Official letter from the employer (in English translation) on official company paper with stamp, signature, date and clearly mentioning/ Thư từ công ty ( Bằng tiếng Anh hoặc được dịch Tiếng Anh) chính thức với dấu mộc, chữ ký, ngày và nêu rõ: <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Address, telephone and fax numbers of the employing company/ Địa chỉ, số điện thoại và số fax của công ty</li> </ul> </li> </ul>			

	<ul style="list-style-type: none"> <li>○ The name and position in the employing company of the countersigning officer/ <i>Tên và chức vụ của người đóng dấu trên thư</i></li> <li>○ The name of the applicant, position, salary and years of service/ <i>Tên, chức vụ, lương và số năm làm việc của đương đơn</i></li> <li>○ Official note of absence due to leave / <i>Xác nhận cho nghỉ phép</i></li> <li>○ Latest Income tax return</li> </ul> <p>For Self-Employed:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Proof of Company registration issued by the Department of Commerce/Börsenkommission</li> <li>● Latest Income tax return</li> <li>● Financial reports on activities</li> </ul>			
12	<p>For family visit: notary certificate of family relationship with the inviting person, legalised by MFA (such as Birth Certificate, Marriage Certificate, or photocopy of the personalized page of the passport of the person providing financial support).</p> <p><i>Đối với trường hợp thăm người thân: Giấy tờ công chứng chứng minh quan hệ với người mời, hợp pháp hóa bởi Bộ Ngoại Giao</i></p>			
13	<p>For minors/ <i>Đối với trẻ em dưới 18 tuổi:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Student card and original letter of the school, mentioning/ <i>Thẻ học sinh và thư gốc từ nhà trường, nêu rõ:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Full address, telephone number of the school/ <i>Địa chỉ đầy đủ, số điện thoại của nhà trường</i></li> <li>○ Name and function of the person giving the permission/ <i>Tên và chức vụ của người ký tên cho phép</i></li> <li>○ Notary certificate of family relation or proof of guardianship, legalised by the Ministry for Foreign Affairs/ <i>Giấy tờ công chứng thể hiện quan hệ với gia đình hoặc của người giám hộ, hợp pháp hóa bởi Bộ Ngoại Giao</i></li> </ul> </li> <li>● Proof of Enrolment in an Educational institution</li> <li>● Official note of absence due to vacation, if the person is travelling during the school year.</li> <li>● When the minor is travelling alone or only with one parent: Notarized written consent of the parent or legal guardian who is not travelling, or proof of sole guardianship/ custody of the parent or legal guardian who is travelling, legalised by the Ministry of Foreign Affairs <i>Trong trường hợp không du lịch cùng phụ huynh hoặc chỉ đi du lịch với bố hoặc mẹ: Giấy đồng ý đã công chứng của cả bố và mẹ hoặc của người giám hộ hợp pháp, hợp pháp hóa bởi Bộ Ngoại Giao</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ A color copy of the personalized page of the passport of the parent(s) or legal guardian</li> <li>○ If the minor is travelling alone – Document from the Social Welfare and Development Office.</li> </ul> </li> <li>● Proof of solvency: Proof of financial means of the parents or legal guardian (refer to requirement checklist number 10)</li> </ul>			
14	<p>For retired person: Proof of pension or other regular income</p> <p><i>Đối với hưu trí: Chứng minh nghỉ hưu hoặc thu nhập khác</i></p>			
15	<p>For unemployed persons/ <i>Đối với người không đi làm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● If married/ <i>Nếu đã kết hôn:</i></li> </ul>			

	<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Letter of employment and income of the spouse/ <i>Thư xác nhận công việc và thu nhập của chồng/vợ</i></li> <li>○ Notary certificate of marriage, legalised by the Ministry for Foreign Affairs/ <i>Công chứng đăng ký kết hôn, hợp pháp hóa bởi Bộ Ngoại Giao</i></li> <li>● If single/divorced/widow/widower: Any other proof of regular income. <i>Nếu độc thân/ly dị/góa chồng/ góa vợ: Giấy tờ chứng minh thu nhập</i></li> </ul>			
16	Other documents/ <i>Các giấy tờ khác:</i>			

**ATTENTION:** The Embassy of the Republic of Bulgaria has a right to ask for any other additional documents it considers necessary, may call the applicant for an interview.

*Lưu ý: Đại Sứ Quán Cộng hòa Bungari có thẩm quyền để yêu cầu bổ sung tài liệu nếu cần thiết, và sẽ liên lạc với đương đơn để phỏng vấn*

**Place and date**

*Địa chỉ ngày nộp đơn*

**VFS Office's Signature**

*Chữ ký nhân viên VFS*

**Applicant's Signature**

*Chữ ký người nộp đơn*